TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST Ngày: 22-3-2023 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Dung và bà Trần Thúy Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 502/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích H1, sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Nơi thường trú: Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Phùng Tố H2, sinh năm 1975. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Nơi thường trú: Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-10-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Bích H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh H2 tự nguyện kết hôn vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 17-7-2000.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu 1, ấp 6, xã Phú Tân, huyện Định Quán. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do anh H2 không có trách nhiệm với gia đình và các con, vợ chồng đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay chị H1 nhận thấy không còn tình cảm với anh H2 nên chị yêu câu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phùng Tố H2.

Về con: Theo chị H1, chị và anh H2 có 02 người con là Phùng Thị Ánh Q, sinh ngày 25-4-2001 và Phùng Trung K, sinh ngày 12-12-2008. Khi ly hôn, chị H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phùng Trung K, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Phùng Thị Ánh Q hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo chị H1, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị H1, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị H1 đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Phùng Tố H2 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến Hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H1 và anh H2, kết quả xác minh như sau:

Chị Lê Thị Bích H1 và anh Phùng Tố H2 là vợ chồng, sau khi kết hôn về sống tại ấp 6, xã Phú Tân, huyện Định Quán, Đồng Nai. Vợ chồng anh H2, chị H1 chung sống đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì ban ấp không biết chính xác nhưng theo ban ấp được biết thì tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị H1 và anh H2 có 02 người con chung Phùng Thị Ánh Q và Phùng Trung K, hiện nay cháu Q đã thành niên, cháu K đang sống cùng chị H1

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến Hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho Lê Thị Bích H1 được ly hôn với anh Phùng Tố H2. Về con: Đề nghị giao con Phùng Trung K, sinh ngày 12-12-2008 cho chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời

anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Bích H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phùng Tố H2, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh H2 có nơi cư trú tại: ấp 6, xã Phú Tân, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị H1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh H2, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 xác lập ngày 17-7-2000 (thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú Vinh, huyện Định Quán, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17-7-2000. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn chị H1 yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H2 không có trách nhiệm với gia đình và các con. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị H1 và anh H2 đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì yêu cầu ly hôn của chị H1 đối với anh H2 là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn anh H2, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, anh H2 không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị H1.

[7] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 và anh H2 có 02 người con là Phùng Thị Ánh Q, sinh ngày 25-4-2001 và Phùng Trung K, sinh ngày 12-12-2008. Khi ly hôn, chị H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con Phùng Trung K, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung sống cùng chị H1, do chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu nuôi con của chị H1 phù hợp với nguyện vọng của con, mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị H1, về việc được tiếp tục nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị H1 không yêu cầu anh H2 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con Phùng Thị Ánh Q, sinh ngày 25-4-2001 hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, chị H1 không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Chị H1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 11, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích H1, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Phùng Tố H2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích H1 được ly hôn với anh Phùng Tố H2.

2. Về con: Giao con Phùng Trung K, sinh ngày 12-12-2008 cho chị H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H1 không yêu cầu. Đối với con Phùng Thị Ánh Q, sinh ngày 25-4-2001 hiện đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, chị H1 không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Phùng Tố H2 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Bích H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H1 đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0004002 ngày 15-12-2022 tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi Thành);
- UBND xã Phú Vinh, huyện Định Quán (GCNKH số 48/2000, quyển số 01, ngày 17-7-2000) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường